

Số: /KH-KHCN

Bắc Giang, ngày tháng 02 năm 2023

## KẾ HOẠCH Thu, nộp Quỹ phòng, chống thiên tai năm 2023

Căn cứ Công văn số 6590/UBND-KTN ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch thu, nộp Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh năm 2023; Công văn số 246/SNN-KHTC ngày 17/02/2023 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang hướng dẫn xây dựng Kế hoạch thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh năm 2023; Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) xây dựng kế hoạch thực hiện như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

#### 1. Mục đích

Tuyên truyền, vận động cán bộ công chức, người lao động nâng cao ý thức bảo vệ môi trường; thực hiện Luật phòng chống thiên tai, nhận thức được tầm quan trọng của Quỹ phòng chống thiên tai; tự giác đóng góp quỹ phòng, chống thiên tai đầy đủ kịp thời.

#### 2. Yêu cầu

Công tác triển khai Luật phòng chống thiên tai phải đúng đối tượng, đúng định mức quy định. Công khai, quản lý sử dụng quỹ theo đúng quy định hiện hành.

Việc thu, nộp Quỹ đúng quy định, tránh lạm thu. Quản lý và sử dụng Quỹ phải bảo đảm đúng mục đích, kịp thời, công khai, minh bạch, công bằng và hiệu quả.

### II. NỘI DUNG

#### 1. Đối tượng có nghĩa vụ đóng Quỹ phòng, chống thiên tai

Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Sở KH&CN tỉnh Bắc Giang.

#### 2. Mức đóng góp

Căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 246/SNN-KHTC ngày 17/02/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT cụ thể: Cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước; tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức Hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động; lực lượng vũ trang đóng một phần hai của mức lương cơ sở chia cho số ngày làm việc trong tháng, như sau:

Số đóng tối thiểu của một người =  $(1.490.000đ : 2) : 22$  ngày làm việc = 34.000 đồng (làm tròn).

### **3. Đối tượng miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp**

Đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ và thẩm quyền quyết định miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Thời gian thu, nộp Quỹ**

- Trung tâm Ứng dụng KH&CN, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có trách nhiệm thu Quỹ từ cán bộ của đơn vị mình gửi về Văn phòng Sở **trước ngày 13/4/2023**.

- Văn phòng Sở có trách nhiệm lập danh sách thu Quỹ từ cán bộ của khối Văn phòng Sở và nộp toàn bộ số tiền đóng góp Quỹ năm 2023 cho Sở Nông nghiệp và PTNT **trước ngày 15/4/2023**.

### **2. Số tiền nộp: 2.414.000 đồng**

Trong đó: - Khối Văn phòng Sở: 1.088.000 đồng

- Trung tâm Ứng dụng KH&CN: 884.000 đồng

- Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng: 442.000 đồng

*(Có Phụ lục danh sách cán bộ nộp kèm theo)*

### **3. Chế độ công khai**

Văn phòng Sở có trách nhiệm công khai số thu, nộp tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Sở trên Bảng thông báo của cơ quan **trước ngày 20/4/2023**.

Trên đây là Kế hoạch thu, nộp Quỹ phòng, chống thiên tai năm 2023 của Sở KH&CN gửi Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp./.

#### **Nơi nhận:**

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thanh Bình**

**Phụ lục**  
**DANH SÁCH NỘP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI NĂM 2023 CỦA SỞ KH&CN**  
(Kèm theo Kế hoạch số          /KH-KHCN ngày          /2/2023 của Sở KH&CN)

STT	Họ và tên	Bộ phận	Số tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Khối Văn phòng Sở</b>			
1	Nguyễn Thanh Bình	Giám đốc Sở	34.000	
2	Nguyễn Phúc Thương	Phó GD Sở	34.000	
3	Triệu Ngọc Trung	Phó GD Sở	34.000	
4	Nguyễn Ngọc Hảo	Chánh Văn phòng	34.000	
5	Lương Vũ Thắng	Phó Trưởng phòng	34.000	
6	Lương Thanh Trang	Phó Chánh Văn phòng	34.000	
7	Nguyễn Thế Khuê	Chuyên viên	34.000	
8	Vũ Trí Biên	Chuyên viên	34.000	
9	Hoàng Thị Duyên	Chuyên viên	34.000	
10	Trần Thị Phượng	Chuyên viên	34.000	
11	Lê Thị Thanh Lợi	Trưởng phòng	34.000	
12	Chu Thị Huyền	Phó Trưởng phòng	34.000	
13	Nguyễn Thị Nga	Chuyên viên	34.000	
14	Phạm Thị Thu Huệ	Chuyên viên	34.000	
15	Dương Đại Tân	Chuyên viên	34.000	
16	Chu Thanh Sơn	Trưởng phòng	34.000	
17	Trương Thị Hồng Minh	Phó Chánh Thanh tra	34.000	
18	Đỗ Văn Tình	Chuyên viên	34.000	
19	Trịnh Thành Công	Chuyên viên	34.000	
20	Thân Việt Dũng	Chuyên viên	34.000	
21	Nguyễn Văn Tình	Trưởng phòng	34.000	
22	Ngô Anh Hoàng	Phó Trưởng phòng	34.000	
23	Lê Đức Anh	Phó Trưởng phòng	34.000	
24	Trần Hương Giang	Chuyên viên	34.000	
25	Doãn Hải Đông	Chuyên viên	34.000	
26	Nguyễn Chí Trung	Chánh thanh tra	34.000	
27	Trần Chí Thành	Phó Chánh Văn phòng	34.000	
28	Nguyễn Thị Hiền	LĐHĐ	34.000	
29	Nguyễn Xuân Hoà	LĐHĐ	34.000	
30	Nguyễn Ngọc Bách	LĐHĐ	34.000	
31	Hà Văn Tuấn	LĐHĐ	34.000	
32	Đặng Quang Khiêm	LĐHĐ	34.000	

	<b>Tổng cộng I</b>		<b>1.088.000</b>	
<b>II</b>	<b>Trung tâm Ứng dụng KH&amp;CN</b>			
1	Triệu Sơn Giang	Giám đốc	34.000	
2	Lê Thành Kông	Phó Giám đốc	34.000	
3	Bạch Thị Khánh Chi	Phó Giám đốc	34.000	
4	Trần Quang Vinh	Trưởng phòng	34.000	
5	Nguyễn Quang Sang	Trưởng phòng	34.000	
6	Nguyễn Thị Thảo	Phó trưởng phòng	34.000	
7	Đỗ Thị Thơm	Phó trưởng phòng	34.000	
8	Trần Thị Huyền Trang	Viên chức	34.000	
9	Đỗ Thị Thu Hà	Viên chức	34.000	
10	Trần Văn Quý	Viên chức	34.000	
11	Đông Thị Như	Viên chức	34.000	
12	Lê Thị Ly Ly	Viên chức	34.000	
13	Giáp Văn Thắng	Viên chức	34.000	
14	Bùi Thu Hằng	Viên chức	34.000	
15	Nguyễn Thị Huyền	Viên chức	34.000	
16	Hà Ngọc Linh	Viên chức	34.000	
17	Đỗ Nguyên Hạnh	Viên chức	34.000	
18	Trần Văn Huy	Viên chức	34.000	
19	Nguyễn Thị Minh Hằng	Viên chức	34.000	
20	Nguyễn Thu Hương	Viên chức	34.000	
21	Nguyễn Thị Tuyết	Viên chức	34.000	
22	Phạm Thị Hải Nguyên	Viên chức	34.000	
23	Lương Xuân Ngọc	LDHD	34.000	
24	Hà Thị Mai Hương	LDHD	34.000	
25	Nguyễn Thị Xuân Hương	LDHD	34.000	
26	Nguyễn Lương Hoài	LDHD	34.000	
	<b>Tổng II</b>		<b>884.000</b>	
<b>III</b>	<b>Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng</b>			
1	Hoàng Công Bình	Chi cục trưởng	34.000	
2	Bùi Khái Hưng	Phó Chi cục trưởng	34.000	
3	Nguyễn Hoàng Tuấn	Phó Chi cục trưởng	34.000	
4	Hoàng Văn Long	Trưởng phòng	34.000	
5	Phạm Xuân Thắng	Trưởng phòng	34.000	
6	Mạc Thị Kim Thoa	Phó Trưởng phòng	34.000	
7	Nguyễn Văn Thành	Phó Trưởng phòng	34.000	
8	Nguyễn Thị Hải Vân	Chuyên viên	34.000	
9	Phùng Thị Ngát	Chuyên viên	34.000	
10	Nguyễn Thị Nô en	Chuyên viên	34.000	

11	Nguyễn Quang Anh	Chuyên viên	34.000	
12	Trần Hồng Thịnh	LĐHĐ	34.000	
13	Nguyễn Thị Hào	Chuyên viên	34.000	
	<b>Tổng III</b>		<b>442.000</b>	
	<b>Tổng cộng I+II+III</b>		<b>2.414.000</b>	

*Số tiền bằng chữ: Hai triệu bốn trăm mười bốn nghìn đồng./.*